

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GCD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GCD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GCD INVESTMENT AND DEVELOPMENT  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110218841

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3 Tòa nhà 789, Số 147 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu  
Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973578662

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chứng trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                      | 8230        |
| 2.  | Giáo dục nhà trẻ<br>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                        | 8511        |
| 3.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                               | 8512        |
| 4.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                               | 8521        |
| 5.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                        | 8522        |
| 6.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                    | 8523        |
| 7.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531        |
| 8.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                               | 8532        |
| 9.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                   | 8551        |
| 10. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                     | 8552        |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo)                                                                                                                                                        | 8559        |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục;<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục;<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;<br>- Tư vấn du học | 8560(Chính) |
| 13. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                  | 6312        |
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)                                                                                                                                                         | 6399        |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                    | 6619        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 17. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(Loại trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm)                                                                                                                 | 7810        |
| 18. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                      | 7820        |
| 19. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                           | 8211        |

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>TIẾN DƯƠNG | Tổ 1 Cụm 1,<br>Phường Phú<br>Thượng, Quận<br>Tây Hồ, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 54.000        | 540.000.000              | 18,000       | 0010760041<br>33                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Tổng số                            | 54.000        | 540.000.000              | 18,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>DUYÊN  | Số 20 Ngách 98<br>Ngõ 43 Cổ Nhuế,<br>Phường Cổ Nhuế<br>2, Quận Bắc Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 54.000        | 540.000.000              | 18,000       | 0261940126<br>11                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Tổng số                            | 54.000        | 540.000.000              | 18,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                      |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | LẠI THÀNH LONG | Thôn Hoạch Thôn, Xã Định Tăng, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 | 038093019267 |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 |              |
| 4 | TÓNG THỊ QUYÊN | P403 – B4 Ngõ 132 Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 90.000 | 900.000.000 | 30,000 | 121981840    |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Tổng số                   | 90.000 | 900.000.000 | 30,000 |              |
| 5 | LÊ THỊ HOÀ     | Toà The Garden Hill, Số 99 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 57.000 | 570.000.000 | 19,000 | 038187000784 |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Tổng số                   | 57.000 | 570.000.000 | 19,000 |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TỔNG THỊ QUYÊN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/10/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *121981840*

Ngày cấp: *19/01/2008*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Then, Xã Thái Đào, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P403 – B4 Ngõ 132 Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội